

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Sở Giao dịch") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Sở Giao dịch cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

SỞ GIAO DỊCH

Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Sở Giao dịch") là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được thành lập theo Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109594129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2021, thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Sở Giao dịch được đặt tại: Số 2 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Hải Sinh	Chủ tịch	
Ông Lê Xuân Hải	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 01/07/2025)
Ông Nguyễn Duy Thịnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01/06/2025)
Ông Lê Trung Sơn	Thành viên	

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Sở Giao dịch trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Xuân Hải	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/07/2025)
Ông Nguyễn Duy Thịnh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/06/2025)
Ông Nguyễn Quang Thương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Minh	Phụ trách Ban Kiểm soát
Bà Đào Thị Hồng Nhung	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Sở Giao dịch từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/05/2025 là Ông Nguyễn Duy Thịnh - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật từ ngày 01/07/2025 đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là ông Lê Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Sở Giao dịch.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Sở Giao dịch chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Sở Giao dịch trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Điều hành Sở Giao dịch cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Hội đồng Thành viên Sở Giao dịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Sở Giao dịch sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Sở Giao dịch đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Sở Giao dịch, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Sở Giao dịch và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Sở Giao dịch cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Sở Giao dịch tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành



Lê Xuân Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Điều hành
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam được lập ngày 24 tháng 07 năm 2025, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Sở Giao dịch chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Sở Giao dịch theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Sở Giao dịch có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Sở Giao dịch liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Sở Giao dịch. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

Lê Văn Hưng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3953-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.394.171.630.735	1.300.427.209.120
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.545.181.888	44.427.356.495
111	1. Tiền		34.545.181.888	44.427.356.495
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	760.000.000.000	740.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		760.000.000.000	740.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		599.014.593.247	515.549.874.984
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	324.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	599.014.593.247	515.549.550.984
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		611.855.600	449.977.641
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	149.762.178	335.489.610
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	462.093.422	114.488.031
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.203.770.235.484	2.200.545.558.613
220	II. Tài sản cố định		902.632.726	450.431.500
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	539.135.850	-
222	- Nguyên giá		558.690.000	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.554.150)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	363.496.876	450.431.500
228	- Nguyên giá		756.846.233	756.846.233
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(393.349.357)	(306.414.733)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.867.602.758	95.127.113
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	2.867.602.758	95.127.113
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.597.941.866.219	3.500.972.767.733

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		597.941.866.219	500.972.767.733
310	I. Nợ ngắn hạn		597.941.866.219	500.972.767.733
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	138.282.000	1.095.108.160
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	581.755.125.069	481.398.339.926
314	3. Phải trả người lao động		7.561.300.081	10.819.519.385
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	372.114.129	621.877.674
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	1.290.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	16.994.425	410.289.695
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.808.050.515	6.627.632.893
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.597.941.866.219	3.500.972.767.733

Trần Tiến Tài

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

Trần Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng

Lê Xuân Hải

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.313.333.334	1.283.333.333
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.313.333.334	1.283.333.333
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.313.333.334	1.283.333.333
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	1.027.228.750.814	1.241.162.237.844
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	21.961.197.806	18.070.272.445
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.006.580.886.342	1.224.375.298.732
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		282.812	-
40	13. Lợi nhuận khác		(282.812)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.006.580.603.530	1.224.375.298.732
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	-	719.286.935
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.006.580.603.530</u>	<u>1.223.656.011.797</u>

Trần Tiến Tài

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

Trần Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng

Lê Xuân Hải

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

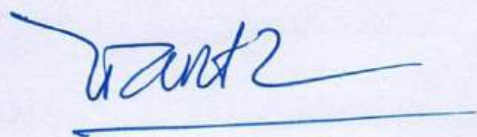
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.006.580.603.530	1.224.375.298.732
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		106.488.774	88.415.007
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.027.228.750.814)	(1.241.162.237.844)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(20.541.658.510)	(16.698.524.105)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		179.895.365	(130.855.361)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.587.396.828)	(513.518.683)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.586.748.213)	27.322.139
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(347.605.391)	(2.776.037.751)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.060.376.279)	(2.705.476.306)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.943.889.856)	(22.797.090.067)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(566.990.000)	(157.700.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(790.000.000.000)	(770.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		770.000.000.000	755.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		943.584.137.186	1.170.619.857.506
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		923.017.147.186	1.155.462.157.506
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(902.955.431.937)	(1.110.695.839.806)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(902.955.431.937)	(1.110.695.839.806)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.882.174.607)	21.969.227.633

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

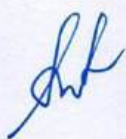
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		44.427.356.495	8.074.145.650
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	34.545.181.888	30.043.373.283



Trần Tiến Tài
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025



Trần Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng



Lê Xuân Hải
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Sở Giao dịch") là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được thành lập theo Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109594129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2021, thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Sở Giao dịch được đặt tại: Số 2 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Sở Giao dịch theo đăng ký là 3.000.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 3.000.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Sở Giao dịch là: Tổ chức và vận hành thị trường giao dịch chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI SỞ GIAO DỊCH

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Sở Giao dịch theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Sở Giao dịch áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sở Giao dịch đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Sở Giao dịch và được Ban Điều hành đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Sở Giao dịch bao gồm tiền, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Sở Giao dịch bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	02 - 05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Sở Giao dịch bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Sở Giao dịch nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 04 năm.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về sử dụng dịch vụ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Sở Giao dịch.

Sở Giao dịch trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Sở Giao dịch theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp. Lợi nhuận của Sở Giao dịch sau khi bù lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần còn lại được phân phối như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ nói trên được nộp về Ngân sách Nhà nước.

2.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Sở Giao dịch có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Sở Giao dịch được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Sở Giao dịch được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Sở Giao dịch bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Sở Giao dịch hoặc chịu sự kiểm soát của Sở Giao dịch, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Sở Giao dịch, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Sở Giao dịch mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Sở Giao dịch, những nhân sự quản lý chủ chốt của Sở Giao dịch, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Sở Giao dịch chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17. Thông tin bộ phận

Do Sở Giao dịch chỉ hoạt động trong lĩnh vực tổ chức hoạt động thị trường chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam nên Sở Giao dịch không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	265.674.943	312.611.252
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.279.506.945	44.114.745.243
	34.545.181.888	44.427.356.495

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	760.000.000.000	-	740.000.000.000	-
	760.000.000.000	-	740.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 09 tháng đến 1 năm có giá trị 760.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	2.200.000.000.000	-	2.200.000.000.000	-
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	650.000.000.000	-	650.000.000.000	-
	1.550.000.000.000	-	1.550.000.000.000	-
	2.200.000.000.000	-	2.200.000.000.000	-

Sở Giao dịch chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Sở Giao dịch và công ty con trong kỳ: Xem thuyết minh 22.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Số 2 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	16 Võ Văn Kiệt, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lợi nhuận các công ty con	582.922.098.353	-	483.425.418.972	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.892.109.589	-	31.744.175.342	-
- Phải thu người lao động về các khoản bảo hiểm, thuế TNCN	130.847.305	-	320.756.670	-
- Tạm ứng	69.538.000	-	59.200.000	-
	599.014.593.247	-	515.549.550.984	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	582.922.098.353	-	483.425.418.972	-
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	443.753.129.125	-	357.210.501.970	-
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	139.168.969.228	-	126.214.917.002	-
Bên khác	16.092.494.894	-	32.124.132.012	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11.099.506.850	-	12.534.180.822	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	4.792.602.739	-	19.209.994.520	-
- Đối tượng khác	200.385.305	-	379.956.670	-
	599.014.593.247	-	515.549.550.984	-

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	-	-
- Mua trong kỳ	558.690.000	558.690.000
Số dư cuối kỳ	558.690.000	558.690.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ	19.554.150	19.554.150
Số dư cuối kỳ	19.554.150	19.554.150
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	539.135.850	539.135.850

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	166.324.000	590.522.233	756.846.233
Số dư cuối kỳ	166.324.000	590.522.233	756.846.233
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	31.054.742	275.359.991	306.414.733
- Khấu hao trong kỳ	16.632.400	70.302.224	86.934.624
Số dư cuối kỳ	47.687.142	345.662.215	393.349.357
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	135.269.258	315.162.242	450.431.500
Tại ngày cuối kỳ	118.636.858	244.860.018	363.496.876

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	138.246.993	322.666.666
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.515.185	12.822.944
	149.762.178	335.489.610
b) Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.687.989.672	49.582.432
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.179.613.086	45.544.681
	2.867.602.758	95.127.113

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	138.282.000	138.282.000	1.095.108.160	1.095.108.160
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Du lịch Quốc tế Hòa Bình	85.860.000	85.860.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Quốc Bảo	29.662.000	29.662.000	-	-
- Công ty TNHH Học viện Smart Train	22.760.000	22.760.000	-	-
- Công ty TNHH du lịch và sự kiện Hòn Ngọc Việt	-	-	486.272.160	486.272.160
- Công ty TNHH Medlatec Việt Nam	-	-	203.170.000	203.170.000
- Công ty TNHH HTS International	-	-	169.000.000	169.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	236.666.000	236.666.000
	138.282.000	138.282.000	1.095.108.160	1.095.108.160

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.488.031	-	-	347.605.391	462.093.422	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	318.816.234	1.217.786.702	1.243.173.152	-	293.429.784
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	481.079.523.692	1.003.337.603.530	902.955.431.937	-	581.461.695.285
	114.488.031	481.398.339.926	1.004.558.390.232	904.549.210.480	462.093.422	581.755.125.069

Quyết toán thuế của Sở Giao dịch sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội các chi phí dùng chung	372.114.129	300.443.274
- Chi phí phải trả khác	-	321.434.400
	372.114.129	621.877.674

Trong đó: Bên liên quan

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	372.114.129	300.443.274
	372.114.129	300.443.274

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	16.994.425	142.382.557
- Bảo hiểm xã hội	-	207.663.998
- Bảo hiểm y tế	-	37.379.491
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	16.612.948
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.250.701
	16.994.425	410.289.695

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ	1.290.000.000	-
	1.290.000.000	-

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	3.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	1.223.656.011.797	1.223.656.011.797
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.013.500.000)	(3.013.500.000)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	-	(1.220.642.511.797)	(1.220.642.511.797)
Số dư cuối kỳ trước	3.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000
Số dư đầu kỳ này	3.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	1.006.580.603.530	1.006.580.603.530
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.243.000.000)	(3.243.000.000)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	-	(1.003.337.603.530)	(1.003.337.603.530)
Số dư cuối kỳ này	3.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000

Sở Giao dịch công bố việc phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	1.006.580.603.530
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,32%	3.243.000.000
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	99,68%	1.003.337.603.530

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bộ Tài chính	3.000.000.000.000	100,00	3.000.000.000.000	100,00
	3.000.000.000.000	100	3.000.000.000.000	100

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ Quản lý thành viên	1.313.333.334	1.283.333.333
	1.313.333.334	1.283.333.333

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	19.115.254.826	20.383.373.784
Lợi nhuận sau thuế các công ty con chuyển về	1.008.113.495.988	1.220.778.864.060
Trong đó:		
Lợi nhuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	248.182.371.321	267.633.612.669
Lợi nhuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	759.931.124.667	953.145.251.391
	1.027.228.750.814	1.241.162.237.844

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	16.628.545.407	14.787.132.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.488.774	88.415.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.109.210.463	628.620.194
Chi phí khác bằng tiền	3.116.953.162	2.566.105.189
	21.961.197.806	18.070.272.445

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.006.580.603.530	1.224.375.298.732
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.008.113.495.988)	(1.220.778.864.060)
- Lợi nhuận nhận từ các công ty con	(1.008.113.495.988)	(1.220.778.864.060)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.532.892.458)	3.596.434.672
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	719.286.935
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(114.488.031)	1.832.692.352
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(347.605.391)	(2.776.037.751)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	(462.093.422)	(224.058.464)

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	16.628.545.407	14.787.132.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.488.774	88.415.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.109.210.463	628.620.194
Chi phí khác bằng tiền	3.116.953.162	2.566.105.189
	21.961.197.806	18.070.272.445

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Sở Giao dịch có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Sở Giao dịch đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Sở Giao dịch có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Sở Giao dịch có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Sở Giao dịch chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Sở Giao dịch có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Sở Giao dịch quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Sở Giao dịch.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Sở Giao dịch. Sở Giao dịch có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.279.506.945	-	-	34.279.506.945
Phải thu khách hàng, phải thu khác	599.014.593.247	-	-	599.014.593.247
Các khoản cho vay	760.000.000.000	-	-	760.000.000.000
	1.393.294.100.192	-	-	1.393.294.100.192
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.114.745.243	-	-	44.114.745.243
Phải thu khách hàng, phải thu khác	515.549.550.984	-	-	515.549.550.984
Các khoản cho vay	740.000.000.000	-	-	740.000.000.000
	1.299.664.296.227	-	-	1.299.664.296.227

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Sở Giao dịch gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	155.276.425	-	-	155.276.425
Chi phí phải trả	372.114.129	-	-	372.114.129
	527.390.554	-	-	527.390.554
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.505.397.855	-	-	1.505.397.855
Chi phí phải trả	621.877.674	-	-	621.877.674
	2.127.275.529	-	-	2.127.275.529

Sở Giao dịch cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Sở Giao dịch có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Sở Giao dịch như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Công ty con
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Sở Giao dịch còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi hệ chi phí dùng chung	685.469.226	632.049.918
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	685.469.226	632.049.918
Doanh thu hoạt động tài chính	1.008.113.495.988	1.220.778.864.060
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	248.182.371.321	267.633.612.669
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	759.931.124.667	953.145.251.391

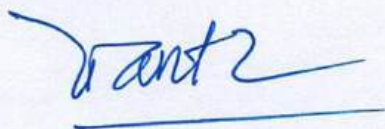
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của Người quản lý	3.611.000.000	2.846.750.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	1.135.000.000	763.250.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Sở Giao dịch.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024; số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Tiến Tài

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025



Trần Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng



Lê Xuân Hải

Tổng Giám đốc

